

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 129/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01/8/2024

“V/v ly hôn, con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Đình Thanh

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Hữu Long

Bà Nguyễn Thị Loan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Bích Dịu, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Đào Anh Vũ – Kiểm sát viên.

N ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 469/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc: “Ly hôn, con chung”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thảo H, sinh năm 1993; Địa chỉ: D L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1987; Địa chỉ: D L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Hiện đang chấp hành án trại Trại Giãm Đ; Địa chỉ: Huyện M'D, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. **Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Thảo H trình bày:**

Bà Phạm Thị Thảo H và ông Nguyễn Thành L1 hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T B vào ngày 09/3/2016.

Sống chung hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, khoảng năm 2021 ông L2 bắt về tội liên quan đến ma túy và chấp hành án tại Trại giam Đ cho đến nay, tình cảm vợ

chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên bà H1 nguyện vọng xin được ly hôn với ông Nguyễn Thành L

Về con chung: Bà H và ông L3 02 con chung là Nguyễn Hoàng Minh K ngày 11/02/2012 và Nguyễn Hoàng K1 Dsinh ngày 07/7/2016, hiện cả hai con chung đang sống với bà H, ông L4 chấp hành án nên bà H1 nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung và không yêu cầu ông Lcấp d nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*2. Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:*

Ông Nguyễn Thành L và bà Phạm Thị T H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T B vào ngày 09/3/2016.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do ông L5 đi chấp hành án từ ngày 01/7/2021 cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân không còn đạt được nên ông L6 ý với yêu cầu ly hôn với bà H2

Về con chung: Bà H và ông L3 02 con chung là Nguyễn Hoàng Minh K ngày 11/02/2012 và Nguyễn Hoàng K1 Dsinh ngày 07/7/2016, hiện cả hai con chung đang sống với bà H3 ly hôn ông L3 nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khả D giao cháu Minh K2 bà H4 tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T H được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Hoàng Minh K ngày 11/02/2012 và Nguyễn Hoàng K1 Dsinh ngày 07/7/2016 cho bà Phạm Thị T H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Thành L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị T H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Thảo H và ông Nguyễn Thành L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Phạm Thị T H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thành L, cư trú tại phường T, thành phố B, Đắk Lắk, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Ly hôn, con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thảo H và ông Nguyễn Thành L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B ngày 09/3/2016 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thảo H và ông Nguyễn Thành L đều thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, ông L đã chấp hành án từ năm 2021 cho tới nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên bà H5 cầu được ly hôn ông L, ông L cũng đồng ý ly hôn với bà H2

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì quá trình sống chung ông bà H và ông L3 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H6 ông L7 mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị T H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà H6 ông L3 02 con chung là Nguyễn Hoàng Minh K ngày 11/02/2012 và Nguyễn Hoàng K1 Dsinh ngày 07/7/2016. Bà H1 nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, ông L3 nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khả D giao cháu Minh K2 bà H4 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Xét thấy bà H đủ điều kiện nuôi con, hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Phạm Thị

Thảo H, mặt khác ông L đang chấp hành án tại Trại giam Đ1, vì quyền lợi, cũng như đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, cần giao hai con chung cho Phạm Thị T H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Nguyễn Thành L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị T H không yêu cầu ông Nguyễn Thành L cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Thảo H và ông Nguyễn Thành L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị T H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T H được ly hôn ông Nguyễn Thành L.

Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Hoàng Minh K ngày 11/02/2012 và Nguyễn Hoàng K1 Dsinh ngày 07/7/2016 cho bà Phạm Thị Thảo H7 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Thành L8 quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị Thảo H8 yêu cầu ông Lcấp d nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Thảo H9 ông Nguyễn Thành L9 yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị T H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Lê Văn T1 đã nộp thay cho bà Phạm Thị T H theo biên lai thu số AA/2023/0009981

ngày 03/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Nơi nhận:*

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND phường Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lê Đình Thanh**